TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BA VÌ - TP. HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 26 /2020/ DS-ST
Ngày 30/06/2020
V/v: *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA VÌ - TP. HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Ngô Thị Thu Hường**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Văn Trình**
2. Ông **Nguyễn Xuân Thuật**

Thư ký phiên tòa: Bà **Đỗ Thị Thúy** - Thư ký Tòa án nhân huyện Ba Vì

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Vì tham gia phiên toà: Ông **Lê Văn Anh** - Kiểm sát viên

Trong ngày 30 tháng 6 năm 2020 tại Phòng xét xử Tòa án nhân dân huyện Ba Vì xét xử sơ thẩm công khaivụ án thụ lý số: 16/2020/TLST- DS, ngày17 tháng 02 năm 2020về "tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2020/QĐXX-ST ngày 15 tháng 6 năm2020 giữa các đương sự:

+ ***Nguyên đơn:*** Ngân hàng N

Địa chỉ: Số 2, phường LH, quận BĐ, thành phố Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông Tiết Văn T, chức vụ: Tổng giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: ông Lê Văn L, chức vụ: Giám đốc Ngân hàng N

Người nhận ủy quyền lại: ông Chu Văn H, chức vụ: Phó Giám đốc Ngân hàng N

+ ***Bị đơn:*** ÔngNguyễn Văn Đ, sinh năm 1966
Bà Phùng Thị K, sinh năm 1973

Bà K ủy quyền cho ông Đ tham gia tố tụng

Đều có địa chỉ: Thôn VY, xã VL, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội.

+ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Hoàng Thị S, sinh năm 1943

Địa chỉ: Thôn VY, xã VL, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội

- Bà Nguyễn Thị L1, sinh năm 1967

Địa chỉ: Thôn VS, xã TH, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội

- Anh Nguyễn Thế A, sinh năm 1993
- Chị Lê Quỳnh C, sinh năm 1993
- Anh Nguyễn Văn E, sinh năm 2003

Đại diện theo pháp luật của anh Nguyễn Văn E : ÔngNguyễn Văn Đ, sinh năm 1966

Cùng có địa chỉ: Thôn VY, xã VL, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội

Bà S, bà L, anh A, anh E, chị C đều ủy quyền cho ông Nguyễn Văn Đ tham gia tố tụng.

- Ông Triệu Văn P, sinh năm 1979
- Bà Phùng Thị Đ, sinh năm 1976 (đã chết)

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bà Phùng Thị Đ:

+ Ông Phùng Kim T, sinh năm 1949

+ Bà Chu Thị Th, sinh năm 1948

+ Chị Triệu Thị H2, sinh năm 2000

+ Chị Triệu Thị Hoa M, sinh năm 2003

+ Cháu Triệu Thị Ngọc H3, sinh năm 2005

+ Cháu Triệu Phương Th1, sinh năm 2012

+ Cháu Triệu Hòa B1, sinh năm 2007

Người đại diện theo pháp luật và nhận ủy quyền tham gia tố tụng của ông T, bà Th, chị H2, cháu M, cháu H3, cháu Th1, cháu B1: Ông Triệu Văn P, sinh năm 1979

Cùng địa chỉ: Xóm Đk, thôn VL 1, xã VL, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội.

(Ông Chu Văn H, ông Nguyễn Văn Đ, Ông Triệu Văn P, bà Phùng Thị K đều có mặt; Bà S, bà L, ông T, bà Th, anh A, anh E, chị C, chị H2, cháu M, cháu H3, cháu Th1, cháu B1 đều có văn bản ủy quyền và xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và biên bản hoà giải, người nhận ủy quyền lại của Ngân hàng N (Agribank) là ông Chu Văn H trình bày: Do cần tiền để đầu tư vào việc chăn nuôi tại gia đình, ông Nguyễn Văn Đ đã ký kết hợp đồng tín dụng với Ngân hàng N hai hợp đồng tín dụng, cụ thể là:

1/ Hợp đồng tín dụng số *2210LAV201502492 ngày 04/06/2015:*

- Phương thức cho vay: Từng lần

- Số tiền vay: 200.000.000 đ (Hai trăm triệu đồng chẵn)

- Dư nợ: 100.000 đồng

- Mục đích sử dụng vốn vay: Xây dựng chuồng trại, xây hầm biogas và mua lợn nái

- Thời hạn cho vay: 40 tháng. Hạn trả nợ cuối cùng: 04/10/2018

- Lãi suất cho vay: 11%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay

2/ Hợp đồng tín dụng số 2210LAV201606733 ngày 16/12/2016:

- Phương thức cho vay: Theo mức tín dụng

- Mức dư nợ tối đa: 650.000.000 đồng (Sáu trăm năm mươi triệu đồng)

- Dư nợ: 394.400.000 đồng

- Mục đích sử dụng vốn vay: Mua lợn, gà giống, thức ăn chăn nuôi

- Thời hạn duy trì hạn mức tín dụng: 12 tháng, kể từ ngày 16/12/2016

- Lãi suất cho vay: theo từng lần nhận nợ, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay

Các giấy nhận nợ thể hiện:

** Hợp đồng tín dụng số 2210LAV201502492 ngày 04/06/2015:*

+ Ngày 25/09/2017 nhận nợ 200.000.000đ*:*

+ Gốc đã trả: 199.900.000 đ

+ Lãi đã trả: 46.455.135 đ

+ Gốc còn phải trả: 100.000 đ

+ Lãi còn phải trả: 4.718.724 đ

** Hợp đồng tín dụng số 2210LAV201606733 ngày 16/12/2016*

+ Ngày 19/09/2017 nhận nợ 100.000.000 đ

+ Gốc đã trả: 98.700.000 đ

+ Lãi đã trả: 2.455.555 đ

+ Gốc còn phải trả: 1.300.000 đ

+ Lãi còn phải trả: 6.106.057 đ

+ Ngày 21/09/2017 nhận nợ 145.000.000 đ

+ Gốc đã trả: 106.900.000 đ

+ Lãi đã trả: 3.492.082 đ

+ Gốc còn phải trả: 38.100.000 đ

+ Lãi còn phải trả: 14.202.168 đ

+ Ngày 25/09/2017 nhận nợ 200.000.000 đ

+ Gốc đã trả: 50.000.000 đ

+ Lãi đã trả: 4.627.778 đ

+ Gốc còn phải trả: 150.000.000 đ

+ Lãi còn phải trả: 35.558.334 đ

+ Ngày 27/10/2017 nhận nợ 105.000.000 đ

+ Gốc đã trả: 0 đ

+ Lãi đã trả: 1.636.250 đ

+ Gốc còn phải trả: 105.000.000 đ

+ Lãi còn phải trả: 22.332.333 đ

+ Ngày 21/11/2017 nhận nợ 100.000.000 đ

+ Gốc đã trả: 0 đ

+ Lãi đã trả: 968.055 đ

+ Gốc còn phải trả: 100.000.000 đ

+ Lãi còn phải trả: 21.155.556 đ

***Tổng số tiền vay: 850.000.000 đ**

Nợ gốc đã trả: 455.500.000 đ

Nợ gốc còn lại : 394.500.000 đ

Nợ lãi : 104.073.172 đ (Tạm tính đến ngày 10/02/2020)

Tổng cộng là: 498.573.172 đ

(Bốn trăm chín tám triệu năm trăm bảy ba nghìn một trăm bảy hai đồng)

Để đảm bảo các khoản vay tại Ngân hàng N, ôngNguyễn Văn Đ và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã tham gia ký kết các hợp đồng thế chấp tài sản:

+ Hợp đồng thế chấp số 14/2013-VL ký ngày 10/12/2013 được công chứng tại Phòng công chứng số 10 ngày 10/12/2013 và được đăng ký giao dịch bảo đảm

tại Văn phòng đăng ký đất đai Hà Nội - Chi nhánh huyện Ba Vì ngày 10/12/2013, ông Đ, bà K cùng con trai là Nguyễn Thế A, mẹ đẻ là bà Hoàng Thị S tham gia ký thế chấp, tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa số 129, tờ bản đồ 35, diện tích 1858m ^{2,} trong đó đất ở 300 m^2, đất vườn 1.558 m^2 tại thôn AT, xã VL, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ ôngNguyễn Văn Đ.

+ Hợp đồng thế chấp số 10/2015-VL ký ngày 01/06/2015 được công chứng tại Phòng công chứng Ba Vì ngày 02/06/2015 và được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký đất đai Hà Nội - Chi nhánh huyện Ba Vì ngày 02/06/2015, Người tham gia ký thế chấp là bà Phùng Thị Đ và ông Triệu Văn P. Tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa số 190, tờ bản đồ 14, tổng diện tích đất ở 190m ^{2,} tại thôn Đk, xã VL, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội đã được cấp giấy chứng nhận mang tên hộ bà Phùng Thị Đ.

Trong thời gian qua, ông Nguyễn Văn Đ đã vi phạm Hợp đồng tín dụng, Ngân hàng N, Chi Nhánh Huyện Ba Vì - Hà Tây I đã đôn đốc, nhắc nhở nhiều lần nhưng ý thức trả nợ và tinh thần hợp tác của gia đình trong việc tháo gỡ công nợ là rất kém, thiếu hợp tác, có thái độ trây ỳ và đã nhiều lần cam kết nhưng không thực hiện: cụ thể như:Biên bản đôn đốc thu hồi nợ các ngày 17/12/2017, 26/03/2018, 05/04/2018, 23/04/2018, 15/06/2018, 16/11/2018, 04/03/2019, 09/04/2019, 06/05/2019, 07/06/2019, 15/11/2019; Biên bản làm việc ngày 11/06/2018, 03/08/2018;Biên bản xử lý nợ quá hạn ngày 15/06/2018;Thông báo xử lý tài sản đảm bảo thu hồi nợ vay lần 1 ngày 10/05/2018 (đối với hộ ông Nguyễn Văn Đ), ngày 07/06/2018 (đối với hộ ông Triệu Văn P); Thông báo xử lý tài sản đảm bảo thu hồi nợ vay lần 2 ngày 26/06/2018 (đối với hộ ôngNguyễn Văn Đ và hộ ông Triệu Văn P); Thông báo xử lý tài sản đảm bảo thu hồi nợ vay lần 3 ngày 03/06/2019 (đối với hộ ông Nguyễn Văn Đ và hộ ông Triệu Văn P); Thông báo khởi kiện ngày 02/10/2019.

Nay Ngân hàng N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Ba Vì giải quyết buộc ông Nguyễn Văn Đ và bà Phùng Thị K có nghĩa vụ thanh toán trả nợ cho Ngân hàng N tổng số tiền : 514.383.980 đồng (Trong đó: 394.500.000 đồng tiền gốc; Tiền lãi 119.883.980đồng; (số dư nợ tính đến ngày xét xử là 30/06/2020). Nếu Ông Đ, bà K không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trên thì Ngân hàng N đề nghị Tòa án duy trì hợp đồng thế chấp số 10/2015-VL ngày 01/06/2015 để đảm bảo cho việc thi hành án kê biên, phát mại tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 129, tờ bản đồ 35, diện tích 1858m ^{2} tại Thôn AT, xã VL, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T024342 cấp ngày 08/08/2003 và quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 190, tờ bản đồ 14, diện tích 190m ^{2}

tại Thôn VL, xã VL, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T348814 cấp ngày 06/01/2004 để trả nợ cho Ngân hàng theo quy định. Đối với hợp đồng thế chấp tài sản số: 14/2013-VL ký ngày 10/12/2013, vì bà Hoàng Thị S (mẹ đẻ ôngNguyễn Văn Đ) là vợ liệt sỹ, phía ngân hàng sau khi xem xong sơ đồ đo đạc của Công ty TNHH khảo sát và đo đạc bản đồ Hà Nội nhận thấy: cần để lại một phần nhà đất tại thửa số 129, tờ bản đồ 35, diện tích 1858m ^{2} tại Thôn AT, xã VL, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội cho thân nhân liệt sỹ là phù hợp do họ không có chỗ ở nào khác, nên Ngân hàng N chỉ yêu cầu xử lý một phần diện tích đất mang tên hộ ông Đ cụ thể là diện tích dự kiến thửa 129B= 1067,1m ^{2} dự kiến theo giấy chứng nhận quyền sử dụng.

Theo biên bản lấy lời và biên bản hoà giải ôngNguyễn Văn Đ trình bày: Ông thừa nhận nội dung vay nợ, dư nợ, các hợp đồng thế chấp đã ký kết với Ngân hàng N như đại diện Ngân hàng đã trình bày là đúng. Cụ thể nội dung sự việc như sau: Do cần tiền để trả tiền mua hàng cám, thức ăn chăn nuôi phục vụ cho công việc chăn nuôi tại gia đình và xây dựng chuồng trại chăn nuôi nên ông đã đến Ngân hàng N, chi nhánh huyện Ba Vì ký kết các hợp đồng tín dụng là: *Hợp đồng tín dụng* số *2210LAV201502492 ngày 04/06/2015 và hợp đồng tín dụng số 2210LAV201606733 ngày 16/12/2016.* Toàn bộ hai hợp đồng tín dụng này chỉ có chữ ký của ôngNguyễn Văn Đ và đại diện Ngân hàng. Theo các hợp đồng tín dụng đã ký kết, ông Đ đã đến Ngân hàng nhận đủ số tiền giải ngân, tổng là 850.000.000đ, cụ thể các lần nhận nợ như sau: Ngày 25/09/2017 nhận nợ 200.000.000đ*:* Ngày 19/09/2017 nhận nợ 100.000.000 đ; Ngày 21/09/2017 nhận nợ 145.000.000 đ; Ngày 25/09/2017 nhận nợ 200.000.000 đ; Ngày 27/10/2017 nhận nợ 105.000.000 đ; Ngày 21/11/2017 nhận nợ 100.000.000 đ.

Để đảm bảo các khoản vay tại Ngân hàng N, ông Đ cùng vợ là Phùng Thị K, con trai Nguyễn Thế A và mẹ đẻ là Hoàng Thị S đã cùng ký kết vào hợp đồng thế chấp đất và tài sản gắn liền với đất số 14/2013-VL ký ngày 10/12/2013 được công chứng tại Phòng công chứng số 10 ngày 10/12/2013 và được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký đất đai Hà Nội - Chi nhánh huyện Ba Vì ngày 10/12/2013, tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa số 129, tờ bản đồ 35, tổng diện tích 1.858m^2 , trong đó đất ở 300m^2 , đất vườn 1.558m^2 tại thôn AT, xã VL, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ThinhjA Nguyễn Văn Đ. Ngoài ra, ông Đ có nhờ người em họ bên vợ là bà Phùng Thị Đ (đã chết năm 2018) và chồng bà Đ là Triệu Văn P, ký kết hợp đồng thế chấp số 10/2015-VL ký ngày 01/06/2015 được công chứng tại Phòng công chứng Ba Vì ngày 02/06/2015 và được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký đất đai Hà Nội - Chi nhánh huyện Ba Vì ngày 02/06/2015.Tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa số 190, tờ bản đồ 14, tổng diện tích 190m ^{2} tại thôn VL, xã VL, huyện Ba Vì,

thành phố Hà Nội đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ bà Phùng Thị Đ.

Trong quá trình thực hiện các hợp đồng tín dụng với Ngân hàng, ông Đ đã cố gắng thực hiện theo các cam kết đã ký, nhưng do làm ăn thua lỗ, giá cả thị trường xuống thấp, khó khăn vì dịch bệnh nên ông Đ không có khả năng trả nợ. Tính đến ngày 31/5/2020, ông Đ đã trả được cho Ngân hàng N số tiền là 455.500.000đ (bốn trăm năm mươi lăm triệu năm trăm nghìn đồng) tiền gốc, dư nợ còn lại là 510.652.021đ (trong đó 394.500.000đ tiền gốc; 116.152.021đ tiền lãi). Quan điểm của ông Đ là đề nghị Ngân hàng cho ông trả dần bằng tiền mặt, mỗi tháng trả 8.000.000đ (Tám triệu đồng) và ông không đồng ý việc xử lý, phát mại tài sản thế chấp đối với hai tài sản thế chấp là: quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 129, tờ bản đồ 35, diện tích 1.858m ^{2} tại Thôn AT, xã VL, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T024342 cấp ngày 08/08/2003 và quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 190, tờ bản đồ 14, diện tích 190m ^{2} tại Thôn VL, xã VL, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T348814 cấp ngày 06/01/2004 vì: đây đều là nơi ở duy nhất của gia đình ông và gia đình ông P, mẹ ông là vợ liệt sỹ, gia đình ông P khó khăn, một mình ông P phải nuôi năm con nhỏ, việc xử lý phát mại tài sản thế chấp sẽ ảnh hưởng lớn đến cuộc sống của gia đình ông và gia đình ông P. Hơn nữa, ông Đ cho rằng hợp đồng tín dụng số *2210LAV201502492 ngày 04/06/2015* được bảo đảm bằng tài sản bảo đảm của hộ gia đình bà Phùng Thị Đ, ông Đ đã thanh toán xong hợp đồng tín dụng này, chỉ còn dư nợ lại 100.000đ, nên ông Đ đề nghị Ngân hàng rút yêu cầu xử lý phát mại tài sản thế chấp của hộ gia đình bà Phùng Thị Đ.

Tại biên bản lấy lời khai bà Phùng Thị K trình bày: bà là vợ ông Nguyễn Văn Đ, bà thừa nhận lời trình bày của ông Nguyễn Văn Đ là đúng. Tuy các hợp đồng tín dụng đều là do ông Đ ký kết với Ngân hàng N nhưng mục đích vay vốn là để phục vụ công việc làm ăn chăn nuôi của hai vợ chồng ông bà. bà K thừa nhận chữ ký trong hợp đồng thế chấp tài sản số 14/2013-VL ký ngày 10/12/2013 được công chứng tại Phòng công chứng số 10 ngày 10/12/2013 là chữ ký của bà để đảm bảo cho các khoản vay của ôngNguyễn Văn Đ tại Ngân hàng N. Trong quá trình làm ăn chăn nuôi do dịch bệnh, giá cả thị trường xuống thấp nên bị thua lỗ, vợ chồng bà không có tiền trả cho Ngân hàng. Bà thừa nhận số dư nợ tại Ngân hàng N như ông Đ trình bày. Bà đề nghị Ngân hàng cho vợ chồng bà trả dần bằng tiền mặt,mỗi tháng trả 8.000.000đ (Tám triệu đồng), bà không đồng ý xử lý phát mại tài sản thế chấp vì đây là nơi ở duy nhất của gia đình ông bà.

Tại biên bản lấy lời khai của bà Hoàng Thị S trình bày: Vì muốn tạo điều kiện giúp ông Nguyễn Văn Đ và bà Phùng Thị K làm ăn nên ngày 10/12/2013

bà và ông Đ, bà K, anh A đã cùng tham gia ký kết hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 14/2013-VL ngày 10/12/2013 để đảm bảo nghĩa vụ của ông Nguyễn Văn Đ tại Ngân hàng N. Nguồn gốc thửa đất số 129, tờ bản đồ 35, diện tích 1.858m ^{2} tại Thôn AT, xã VL, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội là do bà và ông Nguyễn Văn M1 (chồng bà S, là liệt sỹ đã hy sinh năm 1971) được Nhà nước giao đất từ những năm 1960. Đến năm 2003, khi có chủ trương cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, cả gia đình bà đã nhất trí để ông Nguyễn Văn Đ đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T024342 , được UBND huyện Ba Vì cấp ngày 08/08/2003, nay cả gia đình vẫn trực tiếp sử dụng ổn định thửa đất này. Trên thửa đất số 129, tờ bản đồ 35, diện tích 1,858m ^{2} tại Thôn AT, xã VL, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội (nay là xóm AT, thôn VY, xã VL) gồm có nhà cửa và các công trình xây dựng khác do ông Đ, bà K xây dựng, bà không có đóng góp gì trong việc xây dựng các công trình này. Nay Ngân hàng N khởi kiện vợ chồng ông Đ, bà K, bà đề nghị Ngân hàng tạo điều kiện cho ông Đ, bà K trả dần bằng tiền mặt, bà không đồng ý xử lý phát mại tài sản thế chấp vì đây là nơi ở duy nhất của bà, hiện bà đã cao tuổi, chồng đã hy sinh. Bà S không có yêu cầu gì đối với ông Đ, bà K.

Tại biên bản lấy lời khai bà Nguyễn Thị L trình bày: bà là em gái của ôngNguyễn Văn Đ. Nguồn gốc thửa đất số 129, tờ bản đồ 35, diện tích 1.858m ^{2} tại Thôn AT, xã VL, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội là do bố mẹ của bà là bà Hoàng Thị S và ông Nguyễn Văn M1 (chồng bà S, là liệt sỹ đã hy sinh năm 1971) được Nhà nước giao đất từ những năm 1960. Đến năm 2003, khi có chủ trương cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, cả gia đình bà đã nhất trí để ông Nguyễn Văn Đ đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T024342 , được UBND huyện Ba Vì cấp ngày 08/08/2003, nay cả gia đình ông Đ vẫn trực tiếp sử dụng ổn định thửa đất này. Bà không có công sức gì đối với thửa đất số 129, tờ bản đồ 35, diện tích 1858m ^{2} tại Thôn AT, xã VL, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội (nay là xóm AT, thôn VY, xã VL). Nay Ngân hàng N khởi kiện vợ chồng ông Đ, bà K, bà đề nghị Ngân hàng tạo điều kiện cho ông Đ, bà K trả dần bằng tiền mặt. Bà Loan không có yêu cầu gì đối với ông Đ, bà K.

*Tại biên bản lấy lời khai ông Triệu Văn P trình bày:*ông là chồng bà Phùng Thị Đ (em gái họ của bà Phùng Thị K). Do muốn tạo điều kiện cho ông Đ, bà K làm ăn nên khi ông Đ, bà K hỏi mượn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để thế chấp với Ngân hàng vợ chồng ông đã đồng ý và cùng ký vào đơn đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất và hợp đồng thế chấp đất số 10/2015-VL ký ngày 01/06/2015 được công chứng tại Phòng công chứng Ba Vì ngày 02/06/2015 và được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký đất đai Hà Nội - Chi nhánh huyện Ba Vì ngày 02/06/2015.Tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa số 190, tờ bản đồ 14, tổng diện tích 190m ^{2} tại thôn VL, xã VL, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số

T348814 cấp ngày 06/01/2004 mang tên hộ bà Phùng Thị Đ. Nguồn gốc diện tích đất này là của ông và bà Đ được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất. Năm 2018 bà Đ chết, ông và các con cùng chung sống trên thửa đất. Các con ông hiện đều còn nhỏ, không có công sức gì. Nay phía Ngân hàng yêu cầu xử lý phát mại tài sản thế chấp ông không đồng ý, do đây là việc vay nợ của ông Đ, bà K với Ngân hàng, đề nghị cho ông Đ, bà K trả bằng tiền mặt. Hơn nữa, ông P cho rằng hợp đồng tín dụng số *2210LAV201502492 ngày 04/06/2015* ông Đ ký kết với Ngân hàng N được bảo đảm bằng tài sản bảo đảm của hộ gia đình ông P, với hợp đồng này ông Đ đã thanh toán xong, chỉ còn dư nợ lại 100.000đ, nên ông P đề nghị Ngân hàng rút yêu cầu xử lý phát mại tài sản thế chấp của hộ gia đình ông P. Ngoài diện tích đất 190m ^{2} tại thửa số 190, tờ bản đồ 14, ông P và các con nhỏ không còn chỗ ở nào khác.

*Tại biên bản lấy lời khai ông Phùng Kim T và bà Chu Thị Th trình bày:*Ông, bà là bố mẹ đẻ của bà Phùng Thị Đ (đã chết năm 2018), ông bà xác định diện tích đất thuộc thửa số 190, tờ bản đồ 14, tổng diện tích 190m ^{2} tại thôn VL, xã VL, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T348814 cấp ngày 06/01/2004 mang tên hộ bà Phùng Thị Đ là của ông P và bà Đ được Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất, ông T, bà Th không có công sức gì đối với diện tích đất kể trên. Nay bà Đ đã chết, ông T, bà Th là người kế thừa quyền, nghĩa vụ của bà Đ nhưng không có yêu cầu cũng như quan điểm gì, đề nghị Ngân hàng tạo điều kiện cho ông Đ trả dần bằng tiền mặt và không xử lý phát mại tài sản thế chấp diện tích đất thuộc thửa số 190, tờ bản đồ 14, tổng diện tích 190m ^{2} tại thônVL, xã VL, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Thế A, Nguyễn Thế E, chị Lê Quỳnh C đều có văn bản ủy quyền cho ông Nguyễn Văn Đ tham gia tố tụng, anh A, anh E, chị C đều không có yêu cầu hay đề nghị gì và xác định không có công sức gì đối với thửa đất số 129, tờ bản đồ 35, diện tích 1.858m ^{2} tại Thôn AT, xã VL, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội.

Về chi phí tố tụng: Ngân hàng đã nộp chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ tài sản thế chấp và chi phí đo đạc các thửa đất 129 và 190, tổng là: 10.800.000đ. Nay phía Ngân hàng yêu cầu ông Đ, bà K phải chịu ½ chi phí tố tụng, tức hoàn trả cho Ngân hàng N (chi nhánh huyện Ba Vì, Hà Tây I) số tiền 5.400.000đ (Năm triệu bốn trăm nghìn đồng). Ông Đ không chấp nhận việc chịu ½ chi phí tố tụng, tức là không đồng ý hoàn trả cho Ngân hàng N số tiền 5.400.000đ chi phí đo đạc, xem xét, thẩm định tài sản thế chấp vì ông và bà K đang gặp khó khăn về kinh tế.

Về án phí:Ngân hàng N yêu cầu ông Đ, bà K phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Ông Đ là con liệt sỹ đề nghị được miễn án

phí theo quy định của pháp luật, bà K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy đinh pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay: Ông Chu Văn H, người nhận ủy quyền lại của Ngân hàng N vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đối với ôngNguyễn Văn Đ, bà Phùng Thị K và xuất trình bảng kê tính lãi phát sinh đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 30/ 06/2020 yêu cầu: Ông Nguyễn Văn Đ, bà Phùng Thị K phải có trách nhiệm thanh toán trả nợ Ngân hàng N chi nhánh Ba Vì tổng số tiền 514.383.980 đồng (năm trăm mười bốn triệu, ba trăm tám mươi ba nghìn, chín trăm tám mươi đồng); (Trong đó: tiền gốc: 394.500.000 đồng (ba trăm chín mươi tư triệu năm trăm nghìn đồng); Tiền lãi tính đến ngày 30/6/2020 là 119.883.980 đồng (Một trăm mười chín triệu, tám trăm tám mươi ba nghìn, chín tăm tám mươi đồng);và phải trả số tiền lãi suất phát sinh trên số nợ gốc kể từ ngày 01/07/2020 cho đến khi ông Đ, bà K trả hết nợ ngân hàng; Nếu ôngNguyễn Văn Đ, bà Phùng Thị K không thanh toán được khoản nợ trên thì yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp gồm một phần quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của hộ ôngNguyễn Văn Đ tại thôn AT, xã VL, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội và tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của ông Triệu Văn P tại thôn VL , xã VL, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội để thu hồi nợ.Ông Nguyễn Văn Đ, bà Phùng Thị K thừa nhận khoản nợ của Ngân hàng và xin trả dần 8.000.000đ/ tháng và không đồng ý xử lý tài sản thế chấp. Ông Triệu Văn P đề nghị ông Đ, bà K trả tiền cho Ngân hàng để lấy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trả lại cho gia đình anh.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Vì phát biểu ý kiến:

+ Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, thư ký và Hội đồng xét xử:

Tòa án đã tiến hành đầy đủ các bước tố tụng theo quy định của pháp luật; Thẩm phán, Thư ký, Các Hội thẩm nhân dân đều thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật; Hồ sơ đã làm đầy đủ các quy định theo bộ luật tố tụng dân sự;

+ Quan điểm đề xuất giải quyết vụ án: đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Ba Vì đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N. Buộc ông Nguyễn Văn Đ và bà Phùng Thị K phải có trách nhiệm liên đới trả nợ cho Ngân hàng N tổng số tiền: tiền 514.383.980 đồng (năm trăm mười bốn triệu, ba trăm tám mươi ba nghìn, chín trăm tám mươi đồng); (Trong đó: tiền gốc: 394.500.000 đồng (ba trăm chín mươi tư triệu năm trăm nghìn đồng); Tiền lãi tính đến ngày 30/6/2020 là 119.883.980 đồng (Một trăm mười chín triệu, tám trăm tám mươi ba nghìn, chín tăm tám mươi đồng) và phải trả số tiền lãi suất phát sinh trên số nợ gốc kể từ ngày 01/07/2020 cho đến khi ông Đ, bà K trả hết nợ ngân hàng

theo các hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa Ngân hàng N và ôngNguyễn Văn Đ. Nếu ôngNguyễn Văn Đ, bà Phùng Thị K không trả được số tiền trên thì Ngân hàng N có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mại tài sản thế chấp theo hai hợp đồng thế chấp để thu hồi nợ là:

+ Hợp đồng thế chấp số 14/2013-VL ký ngày 10/12/2013 được công chứng tại Phòng công chứng số 10 ngày 10/12/2013 và được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký đất đai Hà Nội - Chi nhánh huyện Ba Vì ngày 10/12/2013, ông Đ, bà K cùng con trai là Nguyễn Thế A, mẹ đẻ là bà Hoàng Thị S tham gia ký thế chấp, tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa số 129, tờ bản đồ 35, diện tích 1.858m ^{2,} trong đó đất ở 300 m^2, đất vườn 1.558 m^2 tại thôn AT, xã VL, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ ôngNguyễn Văn Đ.

+ Hợp đồng thế chấp số 10/2015-VL ký ngày 01/06/2015 được công chứng tại Phòng công chứng Ba Vì ngày 02/06/2015 và được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký đất đai Hà Nội - Chi nhánh huyện Ba Vì ngày 02/06/2015, Người tham gia ký thế chấp là bà Phùng Thị Đ và ông Triệu Văn P. Tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa số 190, tờ bản đồ 14, tổng diện tích đất ở 190m ^{2,} tại thônVL, xã VL, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội đã được cấp giấy chứng nhận mang tên hộ bà Phùng Thị Đ.

Tuy nhiên khi xử lý phát mại tài sản thế chấp trong vụ án cần xác định: Đối với hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 14/2013-VL ký ngày 10/12/2013 được công chứng tại Phòng công chứng số 10 ngày 10/12/2013 và được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký đất đai Hà Nội - Chi nhánh huyện Ba Vì ngày 10/12/2013, ông Đ, bà K cùng con trai là Nguyễn Thế A, mẹ đẻ là bà Hoàng Thị S tham gia ký thế chấp, bên nhận thế chấp là Ngân hàng N. Bà Hoàng Thị S và ông Nguyễn Văn Đ đều là thân nhân liệt sỹ Nguyễn Văn M1 (Hy sinh năm 1971), không có nơi ở nào khác ngoài diện tích đất đã thế chấp với Ngân hàng. Vì vậy, cần thiết phải để lại một phần quyền sử dụng đất và nhà ở cho thân nhân liệt sỹ. Phía đại diện Ngân hàng có quan điểm đồng ý xử lý một phần tài sản thế chấp mang tên hộ ông Đ cụ thể là diện tích dự kiến thửa 129B= 1067,1m ^{2} dự kiến theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giới hạn bởi các mốc: 1,11,10,12,13,5,4,14,1 *(có sơ đồ đo đạc kèm theo)* nên đề nghị HĐXX chấp nhận sự tự nguyện của đương sự.

Ông Nguyễn Văn Đ, bà Phùng Thị K còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn và số tiền phạt chậm trả của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng đã ký kết giữa hai bên cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

Về án phí: ÔngNguyễn Văn Đ là thân nhân liệt sỹ, đề nghị miễn án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Bà Phùng Thị K phải chịu án phí dân suh theo quy định pháp luật.

Về chi phí tố tụng: Ngân hàng đã nộp chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ tài sản thế chấp và chi phí đo đạc các thửa đất 129 và 190, tổng là: 10.800.000đ. Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng, yêu cầu ông Đ, bà K phải chịu ½ chi phí tố tụng, tức hoàn trả cho Ngân hàng N (chi nhánh huyện Ba Vì, Hà Tây I) số tiền 5.400.000đ (năm triệu bốn trăm nghìn đồng).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là vụ án dân sự về tranh chấp hợp đồng tín dụng giữa Nguyên đơn là Ngân hàng N và bị đơn là ông Nguyễn Văn Đ, bà Phùng Thị K đều có địa chỉ: Thôn AT, xã VL, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội là giao dịch dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội theo quy định tai khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 .

Về thủ tục tố tụng: Quá trình Tòa án nhân dân huyện Ba Vì tiến hành tố tụng bị đơn là ôngNguyễn Văn Đ, bà Phùng Thị K cùng những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Hoàng Thị S, bà Nguyễn Thị L, ông Triệu Văn P, chị Triệu Thị H1, ông Phùng Kim T, bà Chu Thị Th, chị Triệu Thị Hoa M đều có mặt khi Tòa án triệu tập, Tòa án đã tiến hành việc tống đạt hợp lệ, các đương sự vắng mặt đều có ủy quyền tham gia tố tụng nên việc xét xử vụ án là khách quan, đúng pháp luật.

Về nội dung vụ án: Qua lời khai của đại diện nguyên đơn là ông Chu Văn H, bị đơn là ôngNguyễn Văn Đ, bà Phùng Thị K và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Hoàng Thị S, bà Nguyễn Thị L, ông Triệu Văn P, chị Triệu Thị H1, ông Phùng Kim T, bà Chu Thị Th, chị Triệu Thị Hoa M cung cấp và các tài liệu có trong hồ sơ, Hội đồng xét xử xác định:

-Về hình thức của giao dịch dân sự: Ngân hàng N và bị đơn Nguyễn Văn Đ đã ký kết hai hợp đồng tín dụng, cụ thể:

* *Hợp đồng tín dụng* số *2210LAV201502492 ngày 04/06/2015:*Phương thức cho vay: Từng lần*;* Số tiền vay: 200.000.000 đ (Hai trăm triệu đồng chẵn)

Mục đích sử dụng vốn vay: Xây dựng chuồng trại, xây hầm biogas và mua lợn nái; Thời hạn cho vay: 40 tháng. Hạn trả nợ cuối cùng: 04/10/2018; Lãi suất cho vay: 11%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay

** Hợp đồng tín dụng số 2210LAV201606733 ngày 16/12/2016:* Phương thức cho vay: Theo hạn mức tín dụng *;* Mức dư nợ tối đa: 650.000.000 đồng (Sáu trăm năm mươi triệu đồng). Mục đích sử dụng vốn vay: Mua lợn, gà giống, thức ăn chăn nuôi, thời hạn duy trì hạn mức tín dụng: 12 tháng, kể từ ngày 16/12/2016*;* Lãi suất cho vay: theo từng lần nhận nợ, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay

Đây là hợp đồng giao dịch dân sự có bảo đảm. Hợp đồng này được hai bên ký kết trên tinh thần tự nguyện, không bị ai ép buộc. Hai bên đã thỏa thuận về phương thức thanh toán số tiền gốc và lãi suất trong hạn, lãi suất quá hạn, phí phạt chậm trả đã được ghi trong hợp đồng tín dụng.

Trước khi ký kết các hợp đồng tín dụng này, ông Nguyễn Văn Đ cùng các thành viên trong gia đình ông Đ gồm bà Hoàng Thị S, bà Phùng Thị K, anh Nguyễn Thế Anh đã cùng ký kết với Ngân hàng N hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 14/2013-VL ký ngày 10/12/2013 được công chứng tại Phòng công chứng số 10 ngày 10/12/2013 và được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký đất đai Hà Nội - Chi nhánh huyện Ba Vì ngày 10/12/2013, tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa số 129, tờ bản đồ 35, tổng diện tích 1.858m^2 , trong đó đất ở 300m^2 , đất vườn 1.558m^2 tại thôn AT, xã VL, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ ôngNguyễn Văn Đ. Ngoài ra, ông Đ có nhờ người em họ bên vợ là bà Phùng Thị Đ (đã chết năm 2018) và chồng bà Đ là Triệu Văn P, trú tại thôn VL, xã VL, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội ký kết hợp đồng thế chấp số 10/2015-VL ký ngày 01/06/2015 được công chứng tại Phòng công chứng Ba Vì ngày 02/06/2015 và được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký đất đai Hà Nội - Chi nhánh huyện Ba Vì ngày 02/06/2015.Tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa số 190, tờ bản đồ 14, tổng diện tích 190m ^{2} tại thônVL, xã VL, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ bà Phùng Thị Đ.

Dựa trên các hợp đồng thế chấp đã được công chứng theo quy định, phía Ngân hàng N đã giải ngân tổng số tiền 850.000.000đ cho ông Nguyễn Văn Đ theo 06 lần nhận nợ cụ thể: Đối với Hợp đồng tín dụng số 2210LAV201502492 ngày 04/06/2015: vào ngày 25/09/2017 nhận nợ 200.000.000đ *(*Gốc đã trả: 199.900.000đ, Lãi đã trả: 46.455.135 đ*;* Gốc còn phải trả: 100.000 đ, Lãi còn phải trả: 4.718.724 đ; Đối với Hợp đồng tín dụng số 2210LAV201606733 ngày 16/12/2016 nhận nợ 05 lần: Lần 1: **Ngày 19/09/2017 nhận nợ 100.000.000 đ** (Gốc đã trả: 98.700.000 đ*;* Lãi đã trả: 2.455.555 đ*;* Gốc còn phải trả: 1.300.000 đ*;* Lãi còn phải trả: 6.106.057 đ)*;* Lần 2:**Ngày 21/09/2017 nhận nợ 145.000.000 đ** (Gốc đã trả: 106.900.000 đ*;* Lãi đã trả: 3.492.082 đ*;* Gốc còn phải trả: 38.100.000 đ, Lãi còn phải trả: 14.202.168 đ)*;* Lần 3: **Ngày 25/09/2017 nhận nợ 200.000.000**

đ (Gốc đã trả: 50.000.000 đ*;* Lãi đã trả: 4.627.778 đ*;* Gốc còn phải trả: 150.000.000 đ; Lãi còn phải trả: 35.558.334 đ); Lần 4: **Ngày 27/10/2017 nhận nợ 105.000.000 đ** *(*Gốc đã trả: 0 đ*;* Lãi đã trả: 1.636.250 đ*;* Gốc còn phải trả: 105.000.000 đ*;* Lãi còn phải trả: 22.332.333đ) Lần 5: **Ngày 21/11/2017 nhận nợ 100.000.000 đ** *(*Gốc đã trả: 0 đ*;* Lãi đã trả: 968.055 đ*;* Gốc còn phải trả: 100.000.000 đ*;* Lãi còn phải trả: 21.155.556 đ)

Xét thấy việc giao kết theo hợp đồng tín dụng là hợp pháp đúng trình tự và đảm bảo về mặt hình thức. Do vậy, làm phát sinh quyền, nghĩa vụ dân sự giữa các bên và các bên phải có trách nhiệm thực hiện các thỏa thuận đã cam kết như trong hợp đồng tín dụng. Mặc dù bà Phùng Thị K không trực tiếp ký kết các hợp đồng tín dụng với Ngân hàng N nhưng qua lời khai của các đương sự thừa nhận, bà K biết rõ việc ông Đ ký kết các hợp đồng tín dụng, việc vay vốn của ông Nguyễn Văn Đ tại Ngân hàng N nhằm phục vụ vào mục đích chung của hai vợ chồng ông Đ là xây dựng chuồng trại, mua thức ăn chăn nuôi, mua lợn giống, gà giống để phát triển chăn nuôi tại gia đình. Do quá trình làm ăn thua lỗ, giá cả thị trường xuống thấp, ông Đ, bà K không thực hiện việc đóng gốc, lãi theo định kỳ và trả nợ khi đã đến hạn của hợp đồng là đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định trong hợp đồng. Nay Ngân hàng N yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Văn Đ, bà Phùng Thị K phải có nghĩa vụ liên đới chịu trách nhiệm thanh toán số tiền cả gốc và lãi tổng là: 514.383.980 đồng (năm trăm mười bốn triệu, ba trăm tám mươi ba nghìn, chín trăm tám mươi đồng); (Trong đó: tiền gốc: 394.500.000 đồng (ba trăm chín mươi tư triệu năm trăm nghìn đồng); Tiền lãi tính đến ngày 30/6/2020 là 119.883.980 đồng (Một trăm mười chín triệu, tám trăm tám mươi ba nghìn, chín tăm tám mươi đồng**)** và phải trả số tiền lãi suất phát sinh trên số nợ gốc kể từ ngày 01/ 07/2020 cho đến khi ông Đ, bà K trả hết nợ ngân hàng là có cơ sở và đúng pháp luật.

Hội đồng xét xử xét thấy: Việc bị đơn có ký hợp đồng tín dụng như nguyên đơn cung cấp là đúng sự thật. Ông Nguyễn Văn Đ đã nhận đủ số tiền vay là 850.000.000đ (Tám trăm năm mươi triệu đồng). Tuy nhiên, kể từ ngày vay cho đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm ông Nguyễn Văn Đ, bà Phùng Thị K trả được 445.500.000đ tiền gốc và 59.634.855đ tiền lãi cho Ngân hàng N. Phía Ngân hàng đã nhiều lần thông báo cho ông Đ, bà K nhưng ông Đ, bà K vẫn chây ỳ không thực hiện nghĩa vụ. Vì vậy, ngân hàng làm đơn khởi kiện yêu cầu thanh toán số dư nợ gốc và tiền lãi phát sinh cho đến ngày xét xử sơ thẩm là có căn cứ. Vì vậy, cần áp dụng các Điều 91, khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 357 Bộ luật dân sự để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

Xét hợp đồng thế chấp bất động sản số 14/2013-VL ký ngày 10/12/2013 ký giữa bên thế chấp là ôngNguyễn Văn Đ, bà Phùng Thị K, bà Hoàng Thị S, anh

Nguyễn Thế A, bên nhận thế chấp là Ngân hàng N. Tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa số 129, tờ bản đồ 35, diện tích 1.858m ^{2,} trong đó đất ở 300 m^2, đất vườn 1.558 m^2 tại thôn AT, xã VL, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ ôngNguyễn Văn Đ. ÔngNguyễn Văn Đ đã có đơn yêu cầu đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất và các tài sản gắn liền với đất tại tại Văn phòng đăng ký đất đai Hà Nội - Chi nhánh huyện Ba Vì ngày 10/12/2013. Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất được công chứng tại Phòng công chứng số 10 ngày 10/12/2013 và được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký đất đai Hà Nội - Chi nhánh huyện Ba Vì ngày 10/12/2013 theo đúng quy định của pháp luật. Giá trị tài sản thế chấp là: 935.800.000đ ; Nghĩa vụ được bảo đảm là: 655.060.000đ.

Như vậy, việc thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất của gia đình ôngNguyễn Văn Đ với Ngân hàng N là hợp pháp nên có giá trị bảo đảm thi hành. Do đó, hợp đồng thế chấp số 14/2013-VL ký ngày 10/12/2013, đã có hiệu lực pháp luật và được chấp nhận khi bị đơn không trả được số tiền vay thì nguyên đơn có quyền yêu cầu Tòa án chấp nhận hợp đồng thế chấp số 14/2013-VL ký ngày 10/12/2013 để thu hồi vốn là đúng pháp luật. Theo tinh thần tại điều 4 của hợp đồng thế chấp của hợp đồng thế chấp quy định: ".....tài sản thế chấp được xử lý khi đến hạn trả nợ theo hợp đồng tín dụng, hợp đồng thế chấp và các văn bản có liên quan khác mà bên vay vốn không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ..." . ÔngNguyễn Văn Đ , bà Phùng Thị K đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng tín dụng và giấy nhận nợ đã ký kết với Ngân hàng. Nên cần phát mại tài sản là nhà ở và các công trình kiến trúc trên đất đồng thời với việc phát mại quyền sử dụng đất. Tuy nhiên, hiện ông Nguyễn Văn M1 đã chết, bà Hoàng Thị S hiện đã trên 80 tuổi, là vợ liệt sỹ, ngoài thửa đất số 129 ở thôn AT, xã VL, huyện Ba Vì, Hà Nội, bà S không có nơi ở nào khác. Bà Hoàng Thị S và ông Nguyễn Văn Đ là vợ và con liệt sỹ, là đối tượng cần được xã hội, cộng đồng quan tâm, tạo điều kiện cho ông bà có chỗ ở ổn định. Việc xử lý phát mại toàn bộ tài sản thế chấp sẽ ảnh hưởng lớn đến cuộc sống của bà Hoàng Thị S, ôngNguyễn Văn Đ, tác động tiêu cực tư tưởng chính trị và gây bức xúc trong dư luận xã hội. Trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, phía đại diện Ngân hàng N có quan điểm đồng ý để lại một phần nhà đất tại thửa số 129, tờ bản đồ 35, diện tích 1.858m ^{2} tại Thôn AT, xã VL, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội cho thân nhân liệt sỹ, chỉ yêu cầu xử lý một phần diện tích đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 129 đã thế chấp nếu ông Đ, bà K không trả được nợ, cụ thể là diện tích dự kiến thửa 129B= 1.067,1m ^{2} dự kiến theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giới hạn bởi các mốc: 1,11,10,12,13,5,4,14,1 (có sơ đồ đo đạc của Công ty TNHH Khảo sát và đo đạc bản đồ Hà Nội kèm theo). Xét đây là sự tự nguyện của đương sự, không vi phạm pháp luật, không trái với các quy phạm đạo đức nên Hội đồng xét xử chấp nhận sự tự nguyện của Ngân hàng N.

Xét hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 10/2015-VL ngày 01/06/2015 được ký kết giữa bên thế chấp là ông Triệu Văn P, bà Phùng Thị Đ, bên nhận thế chấp là Ngân hàng N, Tài sản thế chấp làquyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa số 190, tờ bản đồ 14, tổng diện tích 190m ^{2} tại thôn VL, xã VL, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ bà Phùng Thị Đ. Bà Phùng Thị Đ, ông Triệu Văn P đã có đơn yêu cầu đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất và các tài sản gắn liền với đất tại Văn phòng đăng ký đất đai Hà Nội - Chi nhánh huyện Ba Vì ngày 02/06/2015, Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất được chứng thực tại Phòng công chứng Ba Vì ngày 02/06/2015 và được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký đất đai Hà Nội - Chi nhánh huyện Ba Vì ngày 02/06/2015theo đúng quy định. Giá trị tài sản thế chấp là: 335.000.000đ ; Nghĩa vụ được bảo đảm là: 234.500.000đ; Việc ông Đ và ông P cho rằng hợp đồng tín dụng số *2210LAV201502492 ngày 04/06/2015* ông Đ ký kết với Ngân hàng N được bảo đảm bằng tài sản của hộ gia đình ông P, với hợp đồng này ông Đ đã thanh toán xong, chỉ còn dư nợ lại 100.000đ, vì thế hợp đồng thế chấp mà ông P ký không có giá trị bảo đảm cho các nghĩa vụ tiếp theo của ông Đ nên ông P đề nghị Ngân hàng rút yêu cầu xử lý phát mại tài sản thế chấp của hộ gia đình ông P. Quan điểm này không được chấp nhận do tại Điều 2 của Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 10/2015-VL ngày 01/06/2015 có ghi nhận: "Bên B tự nguyện đem tài sản nói trên (kể cả khoản tiền bảo hiểm cho tài sản đó – nếu có) thế chấp cho bên A để đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ của bên C tại các Hợp đồng cấp tín dụng được ký kết giữa bên A và bên C tại mọi thời điểm (bao gồm nợ gốc, lãi trong hạn, phạt quá hạn, các khoản phí và chi phí phát sinh khác liên quan – nếu có) trong đó số tiền gốc là 234.500.000đ"

Như vậy, việc thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của bà Phùng Thị Đ và ông Triệu Văn P với Ngân hàng N là hợp pháp nên có giá trị bảo đảm thi hành. Do đó, hợp đồng thế chấp số 10/2015-VL ngày 01/06/2015, đã có hiệu lực pháp luật và được chấp nhận khi bị đơn không trả được số tiền vay thì nguyên đơn có quyền yêu cầu Tòa án chấp nhận hợp đồng thế chấp số 10/2015-VL ngày 01/06/2015, yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi nợ là đúng pháp luật.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Ngân hàng N đề ngày 08/11/2019, đơn bổ sung ngày 10/02/2020 Buộc ông Nguyễn Văn Đ, bà Phùng Thị K phải trả cho Ngân hàng N tổng số tiền gốc, lãi tính đến hết ngày xét xử sơ thẩm là 514.383.980 đồng (năm trăm mười bốn triệu, ba trăm tám mươi ba nghìn, chín trăm tám mươi đồng); (Trong đó: tiền gốc: 394.500.000 đồng (ba trăm chín mươi tư triệu năm trăm nghìn đồng); Tiền lãi tính đến ngày 30/6/2020 là 119.883.980 đồng (Một trăm mười chín triệu, tám trăm tám mươi ba nghìn, chín tăm tám mươi đồng**)** và phải trả số tiền lãi

suất phát sinh trên số nợ gốc kể từ ngày 01/ 07/2020 cho đến khi ông Đ, bà K trả hết nợ ngân hàng là có cơ sở và đúng pháp luật

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm ông Nguyễn Văn Đ, bà Phùng Thị K còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 2210LAV201502492 ngày 04/06/2015 và Hợp đồng tín dụng số 2210LAV201606733 ngày 16/12/2016 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Sau khi án có hiệu lực pháp luật, nếu ông Đ, bà K không trả khoản nợ trên thì Ngân hàng N có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự huyện Ba Vì xử lý tài sản thế chấp để thực hiện nghĩa vụ trả nợ tiền vay là:

+ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 129B, tờ bản đồ 35, diện tích 1.067,1m ^{2} theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T024342 được UBND huyện Ba Vì cấp ngày 08/08/2003 mang tên hộ ông Nguyễn Văn Đ tại Thôn AT, xã VL, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội, diện tích đất được quyền yêu cầu xử lý phát mại giới hạn bởi các mốc: 1,11,10,12,13,5,4,14,1 *(có sơ đồ đo đạc của Công ty TNHH Khảo sát và đo đạc bản đồ Hà Nội kèm theo)*; theo hợp đồng thế chấp bất động sản số 14/2013-VL ký ngày 10/12/2013 ký giữa bên thế chấp là ông Nguyễn Văn Đ, bà Phùng Thị K, bà Hoàng Thị S, anh Nguyễn Thế A, bên nhận thế chấp là Ngân hàng N. Được công chứng tại Phòng công chứng số 10 ngày 10/12/2013 và được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký đất đai Hà Nội - Chi nhánh huyện Ba Vì ngày 10/12/2013.

+ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 190, tờ bản đồ 14, diện tích 190m ^{2} tại Thôn VL, xã VL, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T348814 cấp ngày 06/01/2004 mang tên hộ bà Phùng Thị Đ*(có sơ đồ đo đạc của Công ty TNHH Khảo sát và đo đạc bản đồ Hà Nội kèm theo)*. Theo hợp đồng thế chấp bất động sản số 10/2015-VL ngày 01/06/2015 được ký kết giữa bên thế chấp là ông Triệu Văn P, bà Phùng Thị Đ, bên nhận thế chấp là Ngân hàng N, được chứng thực tại Phòng công chứng Ba Vì ngày 02/06/2015 và được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký đất đai Hà Nội - Chi nhánh huyện Ba Vì ngày 02/06/2015.

Về chi phí tố tụng: Ngân hàng N, chi nhánh huyện Ba Vì, Hà Tây I đã nộp chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ tài sản thế chấp và chi phí đo đạc các thửa đất 129 và 190, tổng là: 10.800.000đ. Nay phía ngân hàng yêu cầu ông Đ, bà K phải chịu ½ chi phí tố tụng, tức hoàn trả cho Ngân hàng N (chi nhánh huyện Ba Vì, Hà Tây I) số tiền 5.400.000đ (năm triệu bốn trăm nghìn đồng). Xét thấy việc đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản tranh chấp là cần thiết cho việc giải quyết vụ án, ông Chu Văn H, đại diện Ngân hàng N chi nhánh huyện Ba Vì, Hà Tây I là người có đơn yêu cầu Tòa án xác minh, đo đạc, thẩm định, định giá tài

sản tranh chấp nên Ngân hàng N phải chịu ½ chi phí tố tụng; ÔngNguyễn Văn Đ và bà Phùng Thị K phải liên đới chịu ½ chi phí tố tụng. Do đó, cần thiết phải buộc ôngNguyễn Văn Đ và bà Phùng Thị K có trách nhiệm liên đới hoàn trả cho Ngân hàng N – chi nhánh huyện Ba Vì, Hà Tây I số tiền 5.400.000đ (Năm triệu bốn trăm nghìn đồng) tức ½ chi phí đo đạc, thẩm định, định giá tài sản là phù hợp pháp luật.

*Về án phí:*Căn cứ vào điều 26 và khoản 2 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội thì ông Nguyễn Văn Đ, bà Phùng Thị K phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, ông Nguyễn Văn Đ là thân nhân liệt sỹ thuộc trường hợp quy định tại Điều 2, 14 Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng số 26/2005/PL-UBTVQH 11 ngày 29/6/2005 được sửa đổi bổ sung năm 2018, theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì ông Nguyễn Văn Đ được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm. Bà Phùng Thị K phải chịu án phí dân sự theo quy đinh pháp luật. Hoàn trả toàn bộ số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm cho Ngân hàng N.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứvào khoản 3 Điều 26; điểm a khoảng 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 203; Điều 227; 228; 235; 271; 272; 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 50, 51, 52, 53, 54, 56, 91, khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 292; 299; 317, 318, 325, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; điểm g khoản 1 Điều 179 Luật đất đai 2013; Áp dụng khoản 3 Điều 144, điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 3 Nghị định số 83/NĐ-CP ngày 23/07/2010 của Chính phủ về đăng ký giao dịch bảo đảm.

Điều 6, Điều 18, khoản 1 Điều 24; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng".

Buộc ông Nguyễn Văn Đ, bà Phùng Thị K phải trả nợ cho Ngân hàng N tổng số tiền : 514.383.980 đồng *(Năm trăm mười bốn triệu, ba trăm tám mươi ba nghìn, chín trăm tám mươi đồng);* (Trong đó: tiền gốc: 394.500.000 đồng (Ba trăm chín mươi tư triệu, năm trăm nghìn đồng);Tiền lãi tính đến ngày 30/6/2020 là

119.883.980 đồng *(Một trăm mười chín triệu, tám trăm tám mươi ba nghìn, chín trăm tám mươi đồng)*và phải trả số tiền lãi suất phát sinh trên số nợ gốc kể từ ngày 01/ 07/2020 cho đến khi ông Đ, bà K trả hết nợ ngân hàng (theo Hợp đồng tín dụng số 2210LAV201502492 ngày 04/06/2015 và Hợp đồng tín dụng số 2210LAV201606733 ngày 16/12/2016)

Sau khi án có hiệu lực pháp luật, nếu ông Nguyễn Văn Đ, bà Phùng Thị K không trả khoản nợ trên thì Ngân hàng N có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự huyện Ba Vì xử lý tài sản thế chấp là:

+ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 129B, tờ bản đồ 35, diện tích 1.067,1m ^{2} theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T024342 được UBND huyện Ba Vì cấp ngày 08/08/2003 mang tên hộ ông Nguyễn Văn Đ tại Thôn AT, xã VL, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội, diện tích đất được quyền yêu cầu xử lý phát mại giới hạn bởi các mốc: 1,11,10,12,13,5,4,14,1 *(có sơ đồ đo đạc của Công ty TNHH Khảo sát và đo đạc bản đồ Hà Nội kèm theo)*; theo hợp đồng thế chấp bất động sản số 14/2013-VL ký ngày 10/12/2013 ký giữa bên thế chấp là ôngNguyễn Văn Đ, bà Phùng Thị K, bà Hoàng Thị S, anh Nguyễn Thế A, bên nhận thế chấp là Ngân hàng N. Được công chứng tại Phòng công chứng số 10 ngày 10/12/2013 và được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký đất đai Hà Nội - Chi nhánh huyện Ba Vì ngày 10/12/2013.

+ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 190, tờ bản đồ 14, diện tích 190m ^{2} tại Thôn VL, xã VL, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T348814 cấp ngày 06/01/2004 mang tên hộ bà Phùng Thị Đ*(có sơ đồ đo đạc của Công ty TNHH Khảo sát và đo đạc bản đồ Hà Nội kèm theo)*. Theo hợp đồng thế chấp bất động sản số 10/2015-VL ngày 01/06/2015 được ký kết giữa bên thế chấp là ông Triệu Văn P, bà Phùng Thị Đ, bên nhận thế chấp là Ngân hàng N, được chứng thực tại Phòng công chứng Ba Vì ngày 02/06/2015 và được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Văn phòng đăng ký đất đai Hà Nội - Chi nhánh huyện Ba Vì ngày 02/06/2015.

Số tiền thu được từ việc phát mại tài sản thế chấp là đất và các tài sản gắn liền với đất thuộc thửa 129B, tờ bản đồ 35, diện tích 1.067,1m ^{2} tại Thôn AT, xã VL, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội Hà Nội (nay là xóm AT, thôn VY, xã VL) và thửa số 190, tờ bản đồ 14, diện tích 190m ^{2} tại Thôn VL, xã VL, huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội được thanh toán nợ của ôngNguyễn Văn Đ, bà Phùng Thị K tại Ngân hàng N trong phạm vi nghĩa vụ được bảo đảm, nếu còn thừa sẽ trả lại cho ôngNguyễn Văn Đ, ông Triệu Văn P; Nếu còn thiếu thì ôngNguyễn Văn Đ, bà Phùng Thị K phải tiếp tục hoàn thành nghĩa vụ trả nợ.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm ôngNguyễn Văn Đ, bà Phùng Thị K còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán là 394.500.000 đồng *(Ba trăm chín mươi tư triệu, năm trăm nghìn đồng)* theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng số 2210LAV201502492 ngày 04/06/2015 và Hợp đồng tín dụng số 2210LAV201606733 ngày 16/12/2016 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ thì lãi suất mà ôngNguyễn Văn Đ, bà Phùng Thị K phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng N theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng N.

Về chi phí tố tụng: Buộc ôngNguyễn Văn Đ, bà Phùng Thị K có trách nhiệm liên đới hoàn trả cho Ngân hàng N số tiền 5.400.000đ chi phí đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ tài sản thế chấp.

Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm đối với ông Nguyễn Văn Đ. Bà Phùng Thị K phải nộp 12.859.000đán phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Ngân hàng N, chi nhánh huyện Ba Vì, Hà Tây I số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 11.970.000đ *(Mười một triệu, chín trăm bảy mươi nghìn đồng)* theo Biên lai số 0009880 ngày 14/02/2020 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Ba Vì, thành phố Hà Nội.

Bác các yêu cầu khác của các đương sự.

Về quyền kháng cáo: Ngân hàng N, ông Nguyễn Văn Đ, ông Triệu Văn P, Bà Phùng Thị Kcó quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bà S, bà L, ông T, bà Th, anh A, anh E, chị C, chị H2, cháu M, cháu H3, cháu Th1, cháu B cùng người đại diện theo pháp luật của cháu M, cháu H3, cháu Th1, cháu B được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thự hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND thành phố Hà Nội
- VKSND huyện Ba Vì
- Chi cục THADS huyện Ba Vì
-Ủy ban nhân dân xã VL
- Các đương sự
- Lưu VP, HS

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Ngô Thị Thu Hường